

- Karaca B.** (2016). Factors Affecting Poststroke Sleep Disorders. *Journal of stroke and cerebrovascular diseases: the official journal of National Stroke Association*, 25(3), 727-732. <https://doi.org/10.1016/j.jstrokecerebrovasdis.2015.11.015>
- Pérez-Carbonell, L., & Bashir, S.** (2020). Narrative review of sleep and stroke. *Journal of thoracic disease*, 12(Suppl 2), S176-S190. <https://doi.org/10.21037/jtd-cus-2020-002>
- 邓爱军, 姜瑞雪, 马作峰** (2015), “不寐的中医证型及证素分布特点的文献研究[J]”, *中国中医药现代远程教育*, 13(07), 147-149.
- 丁宇坤, 高雅, 郭建波** (2017), “例失眠症证候要素及靶位分析[J]”, *北京中医药*, 36(12), 1095-1097.
- 侯杰军, 路亚娥, 吕予** (2019), “中医药治疗失眠临床研究进展[J]”, *陕西中医*, 40(02), 270-272.
- 刘东生, 连新福, 袁少英** (2015), “原发性失眠症中医证候群筛选的研究[J]”, *中国当代医药*, 22(04).
- 中医科学院失眠症中医临床实践指南课题组.** *失眠症中医临床实践指南(WHO/WPO)[J]*. *世界睡眠医学杂志*, 2016, 3(01):8-25.
- 中华人民共和国卫生部.** *中药新药临床研究指导原则(第一辑)[M]*. 1993:186.

TỶ LỆ TIÊM NGỪA VẮC-XIN VIÊM GAN B CỦA SINH VIÊN KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG, ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Nhiều¹, Huỳnh Giao^{2,3}

TÓM TẮT

Tiêm chủng được coi là phương pháp hữu hiệu và hiệu quả nhất để ngăn ngừa nhiễm HBV và tiến triển bệnh nặng và tử vong liên quan đến HBV. Từ năm 1992, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã khuyến nghị các quốc gia đưa tiêm chủng 3 liều HBV cơ bản vào lịch tiêm chủng quốc gia. WHO đặt ra mục tiêu là giảm 65% tỷ lệ tử vong liên quan đến viêm gan trên toàn cầu và giảm 90% số ca nhiễm mới vào năm 2030. Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 459 sinh viên khoa Y tế Công cộng Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022. Tỷ lệ sinh viên đã tiêm đủ ba liều vắc-xin viêm gan B là 30,3%. Tỷ lệ sinh viên tiêm ngừa đầy đủ tương đối thấp. Do đó cần triển khai chương trình giáo dục sức khỏe thường xuyên hơn để tăng tỷ lệ thực hành tiêm ngừa đầy đủ.

Từ khóa: sinh viên, tiêm chủng, viêm gan siêu vi B

SUMMARY

THE RATE OF HEPATITIS B VACCINATION AMONG STUDENTS OF FACULTY OF PUBLIC HEALTH, UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Hepatitis B vaccination is considered the most effective way to prevent Hepatitis B virus (HBV) and HBV-related diseases. Since 1992, World Health Organization (WHO) has recommended that nations should have the three-dose primary series of Hepatitis B vaccine in national immunization schedules. WHO set a goal for a global downgrade in hepatitis-related mortality of 65% and a rate of 90% reduction in new infections by 2030. A cross-sectional study of 459

students of Faculty of public health at university of medicine and pharmacy at Ho Chi Minh City between April and June 2022. There were 30.3% students received the three doses of the HBV vaccine. The rate of full vaccination among students is quite low, which showed that the management and health education programs need to be implemented more regularly to increase the rate of HBV vaccination.

Keywords: student, vaccination, hepatitis B

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm gan siêu vi B là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và là nguyên nhân chính gây ra bệnh tật và tử vong trên toàn thế giới [1]. Nhiễm vi rút viêm gan B (HBV) có thể gây ra bệnh gan cấp tính, hoặc tiến triển mạn tính, xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan [2]. Bệnh lây truyền qua tiếp xúc với máu hoặc các chất dịch cơ thể của người bệnh [3]. Nguy cơ nhiễm vi rút viêm gan B trong nhân viên y tế (NVYT) là rất cao khi tần suất tiếp xúc với máu, dịch cơ thể của người bệnh cao hơn bất kỳ một ngành nào nghề nào khác [4].

Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ước tính có 296 triệu người đang sống chung với bệnh viêm gan B mạn tính, 1,5 triệu trường hợp nhiễm mới mỗi năm và khoảng 820,000 trường hợp tử vong do xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan trong năm 2019 [5]. Ở những khu vực có tỷ lệ bệnh lưu hành cao bao gồm Châu Á và vùng Thái Bình Dương, có đến 20% dân số bị nhiễm HBV [6]. Trong tổng số 35 triệu nhân viên y tế trên thế giới, khoảng 40% phơi nhiễm HBV do kim đâm [7].

Chiến lược ngành y tế toàn cầu của WHO đến năm 2030 với mục tiêu giảm tỷ lệ mắc bệnh viêm gan từ 6-10 triệu người xuống còn 0,9 triệu, và giảm tỷ lệ tử vong do bệnh viêm gan hàng năm từ 1,4 triệu xuống còn 0,5 triệu vào năm 2030 [8].

¹Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

²Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

³Bệnh viện Lê Văn Thịnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Giao

Email: hgiao@tcc@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.4.2024

Ngày duyệt bài: 21.5.2024

Việt Nam là nước có gánh nặng về bệnh viêm gan B cao. Theo thống kê của WHO năm 2019, Việt Nam có tỷ lệ hiện mắc viêm gan B cao với khoảng 7,8 triệu người đang sống chung với bệnh. Viêm gan B và C gây ra gần 80.000 trường hợp ung thư và gần 40.000 trường hợp tử vong mỗi năm [9]. Các mô hình dự đoán đến năm 2025 Việt Nam đối mặt với gánh nặng về bệnh gan liên quan đến HBV sẽ tiếp tục tăng lên, do đó, cần có một chiến lược quốc gia về HBV để giảm gánh nặng ngày càng tăng về bệnh gan [10].

Sinh viên khoa học sức khỏe là một phần trong hệ thống nhân viên y tế (NVYT), họ có nguy cơ phơi nhiễm tương tự hoặc thậm chí cao hơn NVYT vì kinh nghiệm và kỹ năng lâm sàng còn hạn chế. Vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu đánh giá tỷ lệ tiêm ngừa vắc-xin viêm gan B và các yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y tế công cộng Đại học Y Dược TP.HCM để từ đó có chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Sinh viên đang học tại Khoa Y tế công cộng – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại ra: Sinh viên không có mặt tại trường 2 lần trong khi tiến hành thu thập thông tin.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả được thực hiện từ tháng 04 đến tháng 06 năm 2022.

Phương pháp chọn mẫu cụm một bậc và ngẫu nhiên đơn

Các bước tiến hành: Những sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ được phát bộ câu hỏi khảo sát, thời gian hoàn thành mỗi bộ câu hỏi khoảng 10-15 phút.

Bộ công cụ thu thập số liệu gồm ba phần (1) thông tin chung của đối tượng: giới tính, năm sinh, ngành đang theo học, nơi thường trú nào và số năm học, (2) 2 câu hỏi về thực hành phòng ngừa HBV, (3) Lý do chưa tiêm ngừa hoặc không tiêm ngừa đầy đủ.

Định nghĩa các biến số chính:

Thực hành phòng ngừa đúng: khi sinh viên trả lời bản thân đã tiêm ngừa 3 liều vắc-xin viêm gan B, và thực hành chưa đúng: khi sinh viên trả lời không tiêm ngừa và/hoặc tiêm không đủ 3 liều.

Phương pháp thống kê: số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và xử lý số liệu bằng phần mềm Stata 16. Sử dụng tần số và tỷ lệ (%) để mô tả các biến số về đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, thực hành phòng ngừa và lý

do chưa tiêm ngừa viêm gan B.

2.3. Y đức. Nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt y đức trong nghiên cứu thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học số 375/HĐĐĐ-ĐHYD ngày chấp thuận 5 tháng 4 năm 2022.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng số 465 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 459 hoàn thành khảo sát, chiếm tỷ lệ 98,7%.

3.1. Đặc điểm dân số, xã hội của đối tượng nghiên cứu

Bảng 8. Đặc điểm dân số, xã hội của đối tượng nghiên cứu (N=459)

Đặc tính mẫu	Tần số (%)
Giới tính	
Nam	157 (34,2)
Nữ	302(65,8)
Nhóm tuổi	
< 21 tuổi	238(51,9)
≥ 21 tuổi	221(48,1)
Hộ khẩu thường trú	
Nông thôn	191(41,6)
Thành thị	268(58,4)
Ngành học	
Dinh dưỡng	114(24,8)
Y tế công cộng	87(19,0)
Y học dự phòng	258(56,2)
Năm học	
Năm 1	93(20,3)
Năm 2	107(23,3)
Năm 3	52(11,3)
Năm 4	42(9,1)
Năm 5	88(19,2)
Năm 6	77(16,8)

Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ sinh viên nữ khá cao chiếm 65,8%, phần lớn sinh viên tham gia có độ tuổi dưới 21 tuổi (chiếm 51,9%), hơn một nửa số sinh viên ở thành thị (58,4%), sinh viên ngành Y học dự phòng chiếm tỷ lệ cao nhất (56,2%), tiếp đó là ngành Dinh dưỡng 24,8%, sinh viên năm 2 chiếm 23,3%.

3.2. Thực hành phòng ngừa bệnh viêm gan B của sinh viên

Bảng 9. Thực hành phòng ngừa bệnh viêm gan B của sinh viên (N=459)

Đặc điểm	Tần số (%)
Đã tiêm ngừa viêm gan B	
Tốt	291(63,4)
Chưa tốt	168(36,6)
Số mũi đã tiêm ngừa	
Đủ	139(30,3)
Chưa đủ	320(69,7)
Thực hành chung tốt	139(30,3)

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên trong mẫu nghiên cứu có tiêm ngừa viêm gan B (chiếm 63,4%) bằng cách tham gia tiêm ngừa ít nhất một mũi. Tuy nhiên, chỉ có 30,3% sinh viên đủ ba mũi viêm gan B.

3.3. Lý do chưa tiêm/ tiêm chưa đầy đủ vắc-xin viêm gan B của sinh viên

Bảng 3. Lý do chưa tiêm/ tiêm chưa đầy đủ vắc-xin viêm gan B của sinh viên (N=320)

Lý do chưa tiêm/tiêm chưa đủ	Tần số (%)
Sợ tiêm	42(13,1)
Sợ tác dụng phụ	21(6,6)
Chi phí cao	96(30,0)
Không biết nơi tiêm	55(17,2)
Không bắt buộc	171(53,4)
Khác	50(10,9)

Lý do sinh viên chưa tiêm hoặc tiêm không đầy đủ ba liều vắc-xin được đề cập nhiều nhất là do không bắt buộc tiêm, chiếm tỷ lệ 53,4%. Kế tiếp là sợ chi phí cao chiếm 30,0%, không biết nơi tiêm chiếm 17,2%, 13,1% sinh viên sợ tiêm và thấp nhất là 6,6% sợ tác dụng phụ của tiêm ngừa. Một số lý do khác dẫn đến việc chưa tiêm hoặc tiêm không đầy đủ ở sinh viên (chiếm tỷ lệ 10,9%) là không có thời gian đi tiêm, quên đi tiêm các liều tiếp theo hoặc không biết lịch tiêm...

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang mô tả khảo sát về tỷ lệ tiêm ngừa vắc-xin viêm gan B ở sinh viên khoa Y tế công cộng – Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, phương pháp lấy mẫu cụm tiến hành khảo sát bằng bộ câu hỏi tự điền, thời gian khảo sát từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022. Qua khảo sát 465 sinh viên, có 6 sinh viên vắng mặt trong 2 lần tiến hành thu thập thông tin, tỷ lệ mất mẫu là 1,3%.

Đặc tính mẫu nghiên cứu: Qua khảo sát 459 sinh viên về thực hành phòng ngừa HBV, cho thấy số lượng sinh viên các năm học tham gia nghiên cứu khá đồng đều, số sinh viên nữ cao hơn so với sinh viên nam với tỷ lệ lần lượt là 65,8% và 34,2%. Sự phân bố giới tính trong nghiên cứu không có sự khác biệt nhiều so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Ân và Nguyễn Quang Trung (2016). Về nhóm tuổi, nhóm sinh viên dưới 21 tuổi (51,9%) có phần cao hơn so với nhóm từ 21 tuổi trở lên (48,1%), kết quả này tương đồng so với nghiên cứu của tác giả Trần Thị Tây Nguyên và Phan Văn Tường (2015). Khoa Y tế công cộng – Đại học Y Dược TP.HCM đào tạo nhân lực y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng ở khu vực phía nam, với sinh viên có hộ khẩu ở thành thị (58,4%) có phần ưu

hơn so với sinh viên có hộ khẩu ở nông thôn (41,6%). Kết quả này có chênh lệch nhưng không đáng kể so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Ân. Sự khác nhau này có thể hiểu do hình thức tự chủ tài chính từ năm 2019 của nhà trường làm tăng học phí, do đó làm giảm sức hút xét tuyển đối với những bạn có hộ khẩu thường trú ở nông thôn dẫn đến hộ khẩu thành thị chiếm ưu thế. Về ngành học, Y học dự phòng (YHDP) có tỷ lệ cao hơn, chiếm hơn ½ sinh viên toàn khoa, tiếp đó là ngành Dinh dưỡng (DD) với tỷ lệ 24,8%, sinh viên ngành Y tế công cộng (YTCC) chiếm tỷ lệ thấp nhất. Tỷ lệ về hai ngành YHDP và YTCC khá tương đương đồng so với nghiên cứu của tác giả Huỳnh Giao và các cộng sự (2016). Tuy nhiên đối với ngành DD là một ngành mới của khoa YTCC được thành lập vào năm 2018, vì vậy chúng tôi chưa tìm được những số liệu cần thiết để so sánh và đối chiếu phù hợp trong nghiên cứu này.

Về thực hành phòng ngừa HBV, trong số 459 sinh viên tham gia nghiên cứu thì có 63,4% sinh viên đã tiêm ngừa vắc-xin viêm gan B. Trong đó số lượng sinh viên tiêm ngừa đầy đủ ba liều vắc-xin viêm gan B là 30,3%, tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của tác giả Huỳnh Giao (60,8%) trên đối tượng sinh viên năm thứ 2, tác giả Nguyễn Hữu Ân (82,04%) trên đối tượng sinh viên năm thứ 6, tác giả Nguyễn Thị Thùy Linh (83,9%) trên đối tượng sinh viên y năm cuối. Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do trong nghiên cứu của chúng tôi có khảo sát cả sinh viên năm thứ nhất, là những sinh viên chỉ mới học lý thuyết mà chưa đi thực hành lâm sàng tại các bệnh viện, có thể sinh viên chưa nhận thức được nguy cơ cao nhiễm HBV. Ngoài ra, do chương trình tiêm chủng quốc gia, vắc-xin viêm gan B được triển khai trên toàn quốc từ năm 2003 cho trẻ <1 tuổi, vì vậy, sinh viên năm 1 và năm 2 có thể có sai lệch nhớ lại và ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu. Lý do chính sinh viên chưa thực hành tiêm ngừa đầy đủ là do vắc-xin HBV không bắt buộc, chiếm tỷ lệ 53,4% và e ngại chi phí tiêm ngừa cao chiếm 30,0%. Do đó, chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe cần tập trung vào các rào cản này để nâng cao tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành trên 459 sinh viên đang học tại khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sinh viên tiêm ngừa đầy đủ vắc-xin viêm gan B tương đối thấp (30,3%). Do đó cần triển khai chương trình

giáo dục sức khỏe về phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là các bệnh có thể phòng ngừa được bằng vắc-xin như HBV để tăng tỷ lệ thực hành tiêm ngừa đầy đủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Y. C. Chuang, K. N. Tsai, J. J. Ou** (2022) "Pathogenicity and virulence of Hepatitis B virus". *Virulence*, 13 (1), 258-296.
2. **T. J. Liang** (2009) "Hepatitis B: the virus and disease". *Hepatology*, 49 (5 Suppl), S13-21.
3. **WHO** (2019) "Actions to eliminate hepatitis are a smart investment".
4. **A. M. Ngum, S. J. Laure, X. Tchetnya, T. A. Tambe, C. N. Ngwayu, F. S. Wirsiy, et al.** (2021) "Vaccination against Hepatitis B among health care workers in the Bamenda Health District: influence of knowledge and attitudes, Cameroon". *Pan Afr Med J*, 40, 216.
5. **WHO** (2021) Hepatitis B, <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/hepatitis-b>, accessed on 9 March, 2023.
6. **Centers for Disease Control and Prevention** (2021) "Viral Hepatitis".
7. **Bệnh Viện quận Tân Phú** (2022) Bệnh viêm gan B và các biện pháp phòng tránh bệnh hiệu quả, <http://benhvientanphu.vn/tin-tuc-va-su-kien/benh-viem-gan-b-va-cac-bien-phap-phong-tranh-benh-hieu-qua-4215.html>, truy cập ngày 9/4/2023.
8. **WHO** (2016) "Draft global health sector strategies Viral hepatitis, 2016–2021". sixty-ninth world health assembly,
9. **WHO** (2019) WHO calls for increased investment in hepatitis elimination, <https://www.who.int/vietnam/news/detail/01-08-2019-who-calls-for-increased-investment-in-hepatitis-elimination>, accessed on 1 August 2019.
10. **V. T. Nguyen, M. G. Law, G. J. Dore** (2008) "An enormous hepatitis B virus-related liver disease burden projected in Vietnam by 2025". *Liver Int*, 28 (4), 525-31.

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH VỀ HỌC PHẦN SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH NĂM HỌC 2023 – 2024

Dương Đình Dũng¹, Đinh Quốc Bảo¹, Lê Thị ngọc Thúy¹,
Phạm Thu Diệu¹, Lại Thị Thanh Xuân¹

TÓM TẮT

Thực trạng sự hài lòng của sinh viên giúp nhà trường có những điều chỉnh kịp thời giúp nâng cao chất lượng đào tạo. **Mục tiêu:** Mô tả sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2023 – 2024 về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch năm học 2023-2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 289 sinh viên đại học chính quy năm nhất năm học 2023 - 2024 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Số liệu được thu thập theo hình thức tự điền từ tháng 9 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023. **Kết quả:** có 98,27% sinh viên hài lòng chung về học phần; 92,39% sinh viên hài lòng về việc cung cấp đề cương học phần; 96,19% sinh viên hài lòng với phương pháp giảng dạy của giảng viên; có 94,46% sinh viên hài lòng về nội dung bài giảng. **Kết luận:** Sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2023 – 2024 về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch năm học 2023-2024 là tương đối cao.

Từ khóa: sự hài lòng, học phần, sinh lý học

SUMMARY

INITIAL SURVEY OF THE SATISFACTION OF FIRST-YEAR REGULAR UNIVERSITY STUDENTS AT NAM DINH UNIVERSITY OF NURSING ON THE PHYSIOLOGY - PATHOPHYSIOLOGY - IMMUNITY MODULES ACADEMIC YEAR 2023 - 2024

The current state of student satisfaction helps the school make timely adjustments to help improve training quality. **Objective:** Describe the satisfaction of first-year full-time university students at Nam Dinh University of Nursing in the 2023-2024 school year about the Physiology - Pathophysiology - Immunology module in the 2023-2024 school year. **Participants and methods:** Cross-sectional descriptive study was conducted on 289 first-year full-time university students in the 2023 - 2024 school year at Nam Dinh University of Nursing. Data was collected in the form of self-filling from September 2023 to the end of December 2023. **Results:** 98.27% of students were overall satisfied with the module; 92.39% of students were satisfied with the provision of course outlines; 96.19% of students are satisfied with the lecturer's teaching methods; 94.46% of students were satisfied with the lecture content. **Conclusion:** The satisfaction of first-year full-time university students at Nam Dinh University of Nursing in the 2023-2024 school year with the Physiology - Pathophysiology - Immunology module in the 2023-2024 school year is relatively high.

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Dương Đình Dũng

Email: dddungynd@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 15.4.2024

Ngày duyệt bài: 22.5.2024